

Số: 64/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT

Vĩnh Long, ngày 05 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp Đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH LONG

Căn cứ Quyết định số 1785/QĐ-LĐTBXH ngày 21/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long;

Căn cứ Quyết định số 95/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 09/9/2020 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long về việc ban hành quy định đào tạo đại học và cao đẳng theo học chế tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 46/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 10/3/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long về việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp đợt 1 năm 2021;

Căn cứ Kết quả học tập, rèn luyện toàn khóa học của sinh viên các khóa Đại học chính quy đủ điều kiện xét tốt nghiệp đợt 1 năm 2021;

Căn cứ Biên bản xét công nhận tốt nghiệp Đại học hệ chính quy đợt 1 năm 2021 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp họp ngày 01/4/2021;

Xét đề nghị của Ông Phụ trách phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp **ĐẠI HỌC** hệ chính quy cho **420** sinh viên. (có danh sách kèm theo).

TT	Ngành đào tạo	Tổng số SV	Kết quả tốt nghiệp			
			Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình
1	Công nghệ thông tin	17	0	1	5	11
2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	78	4	26	43	5
3	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	9	0	2	7	0
4	Công nghệ chế tạo máy	19	1	3	10	5
5	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5	0	0	4	1
6	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	40	0	6	30	4
7	Công nghệ kỹ thuật ô tô	107	8	24	66	9

TT	Ngành đào tạo	Tổng số SV	Kết quả tốt nghiệp			
			Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình
8	Thú y	35	10	2	22	1
9	Công nghệ thực phẩm	78	1	19	53	5
10	Công tác xã hội	9	0	4	4	1
11	Công nghệ sinh học	23	3	8	12	0
TỔNG CỘNG		420	27	95	256	42

Điều 2. Mọi chế độ, quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên được cắt khỏi Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long kể từ ngày ký quyết định.

Điều 3. Ông (Bà) Trưởng các Phòng, Khoa, Trung tâm, Đơn vị liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách kèm theo ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu: P.ĐT.



PGS.TS. Lao Hùng Phi

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY - ĐỢT 1 NĂM 2021

(Kèm theo quyết định số: 64/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 05 tháng 4 năm 2021)

TT	Mã số SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp
I. Ngành Công nghệ thông tin								
1	15004036	Lê Hoàng Huy	Nam	20/7/1997	An Giang	Kinh	2.00	Trung bình
2	15004060	Nguyễn Quốc Nam	Nam	16/12/1997	Vĩnh Long	Kinh	2.41	Trung bình
3	15004081	Quách Phú Nhuận	Nam	14/11/1997	Cà Mau	Kinh	2.28	Trung bình
4	15004093	Nguyễn Quốc Sang	Nam	02/3/1997	Vĩnh Long	Kinh	2.22	Trung bình
5	15004100	Lê Trần Trường Thanh	Nam	02/4/1997	Vĩnh Long	Kinh	2.78	Khá
6	16004014	Nguyễn Trường Duy	Nam	20/5/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.74	Khá
7	16004034	Hà Trần Lâm	Nam	23/02/1997	Vĩnh Long	Kinh	2.53	Khá
8	16004052	Trần Đức Nhã	Nam	07/9/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.52	Khá
9	16004058	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	Nữ	28/01/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.11	Trung bình
10	16004060	Nguyễn Thị Phương Oanh	Nữ	30/10/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.49	Trung bình
11	16004071	Đặng Tiểu Thanh	Nam	27/4/1998	Vĩnh Long	Kinh	3.30	Giỏi
12	16004073	Nguyễn Văn Thanh	Nam	28/4/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.79	Khá
13	16004089	Huỳnh Thiện Trung	Nam	11/8/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.36	Trung bình
14	16004114	Nguyễn Hoàng Tân	Nam	01/8/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.09	Trung bình
15	16004116	Trần Cao Trí	Nam	30/3/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.28	Trung bình
16	16004118	Trần Vĩ Kiệt	Nam	19/01/1998	Đồng Tháp	Kinh	2.13	Trung bình
17	16004119	Nguyễn Quốc Việt	Nam	30/11/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.12	Trung bình
II. Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử								
18	14003106	Sử Thành Trường	Nam	28/02/1995	Bạc Liêu	Kinh	2.46	Trung bình
19	15003049	Tiêu Minh Hoàng	Nam	27/01/1997	Vĩnh Long	Kinh	3.03	Khá
20	15003067	Phạm Đăng Khoa	Nam	31/7/1997	Đồng Tháp	Kinh	2.57	Khá
21	15003107	Huỳnh Minh Phú	Nam	14/9/1997	Bến Tre	Kinh	2.66	Khá
22	15003113	Phạm Hồng Phúc	Nam	22/11/1997	Vĩnh Long	Kinh	2.24	Trung bình
23	15003115	Võ Thanh Phúc	Nam	17/11/1997	Vĩnh Long	Kinh	3.10	Khá
24	16003004	Nguyễn Trường Anh	Nam	04/7/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.82	Khá
25	16003012	Lê Thị Hồng Diễm	Nữ	28/5/1998	Vĩnh Long	Kinh	3.76	Xuất sắc
26	16003018	Lê Thị Ngọc Giàu	Nữ	19/9/1998	Vĩnh Long	Kinh	3.55	Giỏi
27	16003022	Huỳnh Thiên Hương	Nữ	03/11/1998	Vĩnh Long	Kinh	3.21	Giỏi
28	16003023	Trang Quang Huy	Nam	17/01/1998	Đồng Tháp	Kinh	3.33	Giỏi
29	16003030	Phạm Nguyễn Anh Khoa	Nam	27/6/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.71	Khá
30	16003048	Nguyễn Hữu Phước	Nam	20/10/1998	Bến Tre	Kinh	3.05	Khá
31	16003066	Huỳnh An Trường	Nam	20/8/1998	Vĩnh Long	Kinh	3.34	Giỏi
32	16003068	Nguyễn Thanh Tự	Nam	21/7/1998	Vĩnh Long	Kinh	3.00	Khá
33	16003075	Nguyễn Văn Hậu	Nam	11/4/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.54	Khá
34	16003076	Hồ Thanh Hưng	Nam	17/7/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.72	Khá
35	16003078	Ngô Hoàng Nhân	Nam	24/10/1997	Đồng Tháp	Kinh	3.23	Giỏi
36	16003080	Nguyễn Thái Sang	Nam	08/8/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.85	Khá
37	17003001	Trần Trương Nhật An	Nam	02/7/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.10	Khá
38	17003004	Võ Bảo Ân	Nam	04/10/1999	Tiền Giang	Kinh	3.34	Giỏi
39	17003006	Nguyễn Thùy Phương Anh	Nữ	20/4/1999	Trà Vinh	Kinh	3.03	Khá

TT	Mã số SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp
40	17003007	Nguyễn Hùng Anh	Nam	27/12/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.99	Khá
41	17003018	Nguyễn Hữu Chuyển	Nam	31/10/1999	Bình Phước	Kinh	3.03	Khá
42	17003019	Lê Thành Công	Nam	21/3/1999	Đồng Tháp	Kinh	3.35	Giỏi
43	17003021	Trương Quốc Cường	Nam	20/3/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.01	Khá
44	17003022	Nguyễn Văn Quốc Cường	Nam	03/5/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.12	Khá
45	17003024	Nguyễn Tấn Đạt	Nam	06/02/1999	Bến Tre	Kinh	2.29	Trung bình
46	17003025	Nguyễn Bùi Phát Đạt	Nam	10/6/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.01	Khá
47	17003027	Nguyễn Phúc Điền	Nam	19/8/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.27	Trung bình
48	17003035	Danh Minh Đức	Nam	11/01/1999	Kiên Giang	Khmer	2.84	Khá
49	17003038	Nguyễn Phước Duy	Nam	12/10/1999	Đồng Tháp	Kinh	2.82	Khá
50	17003039	Văn Phú Duy	Nam	29/6/1998	Đồng Tháp	Kinh	2.65	Khá
51	17003042	Ngô Hùng Em	Nam	05/11/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.84	Khá
52	17003049	Nguyễn Nhựt Hào	Nam	19/8/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.94	Khá
53	17003054	Phan Thị Thu Hiền	Nữ	01/7/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.57	Giỏi
54	17003061	Kim Hùng	Nam	26/01/1999	Trà Vinh	Khmer	3.22	Giỏi
55	17003065	Phạm Quang Huy	Nam	18/8/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.37	Giỏi
56	17003070	Nguyễn Thành Huy	Nam	06/7/1999	Đồng Tháp	Kinh	2.96	Khá
57	17003071	Ngô Hoàng Huynh	Nam	29/3/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.42	Giỏi
58	17003074	Đặng Phúc Khang	Nam	09/11/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.86	Khá
59	17003076	Phạm Lê Chí Khang	Nam	19/12/1999	Đồng Tháp	Kinh	2.53	Khá
60	17003085	Nguyễn Duy Khánh	Nam	15/7/1999	Đồng Tháp	Kinh	2.94	Khá
61	17003086	Lê Ngọc Anh Khoa	Nam	11/6/1997	Vĩnh Long	Kinh	2.77	Khá
62	17003087	Nguyễn Anh Khoa	Nam	05/10/1999	Bến Tre	Kinh	3.52	Giỏi
63	17003088	Lê Trung Kiên	Nam	11/8/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.47	Giỏi
64	17003089	Bùi Văn Kiên	Nam	04/12/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.69	Xuất sắc
65	17003092	Huỳnh Lan	Nữ	17/4/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.34	Giỏi
66	17003094	Nguyễn Tấn Lộc	Nam	27/3/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.62	Khá
67	17003095	Phan Tấn Lộc	Nam	17/6/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.72	Khá
68	17003096	Nguyễn Đức Lợi	Nam	23/10/1997	Tiền Giang	Kinh	2.77	Khá
69	17003098	Nguyễn Thành Luân	Nam	09/4/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.98	Khá
70	17003099	Võ Minh Luân	Nam	13/5/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.72	Khá
71	17003100	Quản Hữu Ngọc Luân	Nam	26/7/1999	Đồng Tháp	Kinh	3.31	Giỏi
72	17003101	Châu Lê Định Lý	Nam	16/6/1999	Cần Thơ	Kinh	2.58	Khá
73	17003102	Nguyễn Minh Mẫn	Nam	11/01/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.37	Giỏi
74	17003103	Phạm Thế Mạnh	Nam	09/3/1998	Thái Bình	Kinh	3.77	Xuất sắc
75	17003109	Lê Hoài Nam	Nam	28/02/1999	Vĩnh Phúc	Kinh	2.79	Khá
76	17003112	Nguyễn Thành Nghiệp	Nam	18/8/1999	Đồng Tháp	Kinh	2.90	Khá
77	17003116	Lê Như Nguyễn	Nam	16/3/1999	Đồng Tháp	Kinh	2.86	Khá
78	17003118	Nguyễn Thành Nhân	Nam	28/9/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.49	Giỏi
79	17003123	Lê Hồng Phong	Nam	05/10/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.81	Xuất sắc
80	17003128	Nguyễn Đặng Hoàng Phúc	Nam	27/8/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.41	Giỏi
81	17003129	Phan Hoài Phúc	Nam	08/5/1997	Đồng Tháp	Kinh	2.88	Khá
82	17003130	Nguyễn Tấn Phúc	Nam	03/10/1999	Đồng Tháp	Kinh	3.38	Giỏi
83	17003141	Đỗ Minh Qui	Nam	10/02/1999	Cần Thơ	Kinh	3.20	Giỏi
84	17003151	Lê Công Tâm	Nam	19/9/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.40	Giỏi

TT	Mã số SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp
85	17003152	Trần Thanh Tâm	Nam	19/02/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.12	Khá
86	17003154	Trần Huy Tâm	Nam	21/7/1998	An Giang	Kinh	2.87	Khá
87	17003160	Phạm Quốc Thái	Nam	04/9/1999	Trà Vinh	Kinh	3.44	Giỏi
88	17003166	Nguyễn Hữu Thịnh	Nam	10/5/1999	Tiền Giang	Kinh	2.92	Khá
89	17003169	Nguyễn Minh Thông	Nam	30/4/1999	Đồng Tháp	Kinh	3.21	Giỏi
90	17003173	Võ Thanh Tiến	Nam	15/9/1999	Cần Thơ	Kinh	3.34	Giỏi
91	17003174	Huỳnh Đắc Sơn Tiên	Nam	08/01/1999	Đồng Tháp	Kinh	3.57	Giỏi
92	17003183	Trương Hoàng Trí	Nam	16/6/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.13	Khá
93	17003185	Nguyễn Công Trục	Nam	1979	Đồng Tháp	Kinh	3.39	Giỏi
94	17003187	Đỗ Nhật Trường	Nam	01/10/1999	Tiền Giang	Kinh	2.39	Trung bình
95	17003203	Nguyễn Xuân Vinh	Nam	14/8/1999	Đồng Tháp	Kinh	3.06	Khá
III. Ngành Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa								
96	15007024	Trần Ngọc Bảo Thư	Nữ	16/4/1995	Vĩnh Long	Kinh	2.52	Khá
97	16007011	Võ Lư Khương	Nam	04/8/1997	Vĩnh Long	Kinh	2.73	Khá
98	16007022	Lê Tuấn Khanh	Nam	04/10/1998	Vĩnh Long	Kinh	3.17	Khá
99	17007021	Phan Thị Thu Hoàng	Nữ	30/12/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.04	Khá
100	17007030	Bạch Thái Nhân	Nam	15/11/1997	Vĩnh Long	Kinh	3.57	Giỏi
101	17007039	Mai Phú Tân	Nam	09/01/1999	Trà Vinh	Kinh	2.78	Khá
102	17007041	Võ Minh Thái	Nam	13/3/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.90	Khá
103	17007044	Huỳnh Phú Thịnh	Nam	11/02/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.65	Khá
104	17007051	Trần Quốc Trung	Nam	01/01/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.50	Giỏi
IV. Ngành Công nghệ chế tạo máy								
105	15002019	Nguyễn Hòa Nhân	Nam	30/11/1997	Đồng Tháp	Kinh	2.33	Trung bình
106	15002022	Đặng Văn Phú	Nam	09/3/1997	Vĩnh Long	Kinh	2.06	Trung bình
107	16002001	Quách Nhật Anh	Nam	14/02/1998	Cà Mau	Kinh	2.41	Trung bình
108	16002005	Võ Anh Hào	Nam	17/4/1997	Đồng Tháp	Kinh	3.27	Giỏi
109	16002008	Nguyễn Quảng Kha	Nam	14/9/1998	Trà Vinh	Kinh	3.28	Giỏi
110	16002012	Nguyễn Tấn Phước	Nam	27/3/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.90	Khá
111	16002013	Nguyễn Chí Tâm	Nam	08/6/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.58	Khá
112	16002015	Huỳnh Minh Thông	Nam	20/02/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.48	Trung bình
113	16002016	Phan Cao Thy	Nam	20/5/1998	Bến Tre	Kinh	2.63	Khá
114	16002017	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	09/6/1998	Long An	Kinh	2.62	Khá
115	16002019	Lê Hữu Lộc	Nam	04/02/1997	Vĩnh Long	Kinh	3.34	Giỏi
116	16002020	Nguyễn Việt Thắng	Nam	07/5/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.80	Khá
117	16002023	Huỳnh Quốc Vương	Nam	23/10/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.43	Trung bình
118	17002008	Lưu Phước Hiền	Nam	04/11/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.84	Khá
119	17002011	Hà Quang Khâm	Nam	30/12/1999	Cà Mau	Kinh	3.03	Khá
120	17002013	Huỳnh Kháng	Nam	07/01/1999	Đồng Tháp	Kinh	2.77	Khá
121	17002027	Nguyễn Đặng Hồng Phúc	Nữ	21/6/1999	Đồng Tháp	Kinh	2.95	Khá
122	17002033	Võ Thanh Thảo	Nam	10/11/1999	Tiền Giang	Kinh	2.69	Khá
123	17002035	Trần Hoài Thương	Nam	06/02/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.69	Xuất sắc
V. Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử								
124	16006004	Biện Công Đông	Nam	25/7/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.53	Khá
125	16006007	Dương Trọng Huy	Nam	20/11/1998	Cần Thơ	Kinh	2.77	Khá
126	16006013	Lê Văn Minh Nam	Nam	29/4/1998	Vĩnh Long	Kinh	3.19	Khá

TT	Mã số SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp
127	16006019	Nguyễn Hoàng Sang	Nam	20/6/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.33	Trung bình
128	16006023	Đào Minh Trí	Nam	02/11/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.76	Khá
VI. Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí								
129	15008004	Phạm Quốc Anh	Nam	23/12/1996	Vĩnh Long	Kinh	2.59	Khá
130	15008058	Lê Minh Phong	Nam	31/10/1997	Vĩnh Long	Kinh	2.83	Khá
131	15008067	Đỗ Hoàng Sang	Nam	12/12/1997	Bến Tre	Kinh	2.74	Khá
132	15008069	Nguyễn Chí Sơn	Nam	20/5/1997	Vĩnh Long	Kinh	2.49	Trung bình
133	16008001	Đặng Hoàng Ân	Nam	20/3/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.85	Khá
134	16008005	Nguyễn Thái Bình	Nam	20/8/1998	Tiền Giang	Kinh	2.29	Trung bình
135	16008007	Trần Tấn Đạt	Nam	14/3/1998	Sóc Trăng	Kinh	3.30	Giỏi
136	16008008	Phạm Quốc Đạt	Nam	26/5/1998	Cà Mau	Kinh	2.82	Khá
137	16008013	Nguyễn Võ Trường Duy	Nam	09/11/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.98	Khá
138	16008018	Nguyễn Phúc Hậu	Nam	09/4/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.68	Khá
139	16008026	Tạ Hoàng Huy	Nam	30/10/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.86	Khá
140	16008027	Trần Văn Huy	Nam	17/9/1997	Vĩnh Long	Kinh	2.50	Khá
141	16008036	Nguyễn Đắc Lam	Nam	03/10/1997	Đồng Tháp	Kinh	3.48	Giỏi
142	16008055	Nguyễn Hoàng Phương	Nam	14/02/1998	Bến Tre	Kinh	2.83	Khá
143	16008064	Võ Minh Tân	Nam	01/3/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.75	Khá
144	16008072	Đặng Quốc Thiện	Nam	30/01/1998	Tiền Giang	Kinh	3.30	Giỏi
145	16008073	Phan Minh Thiện	Nam	15/12/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.19	Trung bình
146	16008078	Nguyễn Hữu Toàn	Nam	16/02/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.77	Khá
147	16008081	Huỳnh Hữu Trí	Nam	20/11/1996	Vĩnh Long	Kinh	3.04	Khá
148	16008084	Huỳnh Ngọc Trung	Nam	09/10/1998	Kiên Giang	Kinh	3.14	Khá
149	16008102	Nguyễn Minh Phước	Nam	14/02/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.35	Trung bình
150	16008103	Hồ Minh Tài	Nam	05/11/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.74	Khá
151	16008110	Nguyễn Hoàng Vũ Trung	Nam	15/9/1998	Đồng Tháp	Kinh	2.87	Khá
152	16008114	Quách Nhật Khương	Nam	18/10/1998	Bến Tre	Kinh	2.86	Khá
153	17008008	Dương Tấn Bảo	Nam	20/6/1999	Tiền Giang	Kinh	2.73	Khá
154	17008017	Nguyễn Long Cơ	Nam	24/11/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.88	Khá
155	17008020	Trần Minh Cường	Nam	23/02/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.03	Khá
156	17008022	Trần Văn Thử Đang	Nam	06/9/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.11	Khá
157	17008024	Nguyễn Công Danh	Nam	11/4/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.97	Khá
158	17008029	Nguyễn Quốc Đạt	Nam	05/6/1999	Đồng Tháp	Kinh	3.34	Giỏi
159	17008035	Trương Minh Đức	Nam	22/11/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.92	Khá
160	17008041	Lê Trần Nhật Duy	Nam	05/11/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.51	Khá
161	17008049	Trần Khánh Duy	Nam	29/8/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.96	Khá
162	17008053	Nguyễn Anh Duy	Nam	25/12/1999	Đồng Tháp	Kinh	2.64	Khá
163	17008054	Nguyễn Trường Duy	Nam	26/4/1999	Cà Mau	Kinh	3.23	Giỏi
164	17008055	Lê Vũ Trường Giang	Nam	30/12/1998	Vĩnh Long	Kinh	3.00	Khá
165	17008224	Lê Hữu Tiến	Nam	09/01/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.20	Giỏi
166	17008227	Nguyễn Thanh Trọng	Nam	13/8/1999	Trà Vinh	Kinh	2.96	Khá
167	17008228	Phùng Minh Trí	Nam	30/4/1999	Long An	Kinh	2.76	Khá
168	17008244	Trần Thành Trung	Nam	14/10/1999	An Giang	Kinh	3.10	Khá
VII. Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô								
169	14001088	Bạch Hoài Thương	Nam	26/11/1996	Hậu Giang	Kinh	2.50	Khá

TT	Mã số SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp
170	14001091	Nguyễn Trọng Tiến	Nam	28/12/1996	Vĩnh Long	Kinh	2.21	Trung bình
171	15001032	Lê Huỳnh Đức	Nam	09/8/1997	Vĩnh Long	Kinh	2.82	Khá
172	15001055	Lâm Nhựt Hào	Nam	28/12/1997	Vĩnh Long	Kinh	2.28	Trung bình
173	15001209	Nguyễn Thanh Tuấn	Nam	26/10/1997	Tiền Giang	Kinh	3.30	Giỏi
174	15001213	Võ Kiệt Tường	Nam	21/11/1997	Vĩnh Long	Kinh	2.25	Trung bình
175	16001002	Nguyễn Khánh Bằng	Nam	19/02/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.98	Khá
176	16001004	Nguyễn Gia Bảo	Nam	17/12/1998	Vĩnh Long	Kinh	3.24	Giỏi
177	16001008	Nguyễn Quốc Bảo	Nam	21/01/1996	Cà Mau	Kinh	2.63	Khá
178	16001009	Nguyễn Thới Bình	Nam	28/11/1998	Cần Thơ	Kinh	3.74	Xuất sắc
179	16001015	Nguyễn Hùng Cường	Nam	18/9/1998	Vĩnh Long	Kinh	3.04	Khá
180	16001022	Lê Hữu Danh	Nam	13/02/1998	Trà Vinh	Kinh	2.50	Khá
181	16001025	Đỗ Tiến Đạt	Nam	22/3/1997	TP.HCM	Kinh	2.62	Khá
182	16001026	Cao Văn Đây	Nam	04/5/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.91	Khá
183	16001029	Trương Huỳnh Đức	Nam	11/02/1998	Sóc Trăng	Kinh	3.79	Xuất sắc
184	16001031	Nguyễn Tuấn Dũng	Nam	23/3/1998	Đồng Tháp	Kinh	3.30	Giỏi
185	16001032	Bùi Trường Duy	Nam	08/12/1998	Đồng Tháp	Kinh	3.60	Xuất sắc
186	16001038	Trịnh Phan Thái Duy	Nam	17/8/1998	Đồng Tháp	Kinh	3.15	Khá
187	16001039	Đoàn Khánh Duy	Nam	26/10/1998	Đồng Tháp	Kinh	2.83	Khá
188	16001042	Nguyễn Văn Giang	Nam	22/3/1996	Đồng Tháp	Kinh	3.26	Giỏi
189	16001043	Phạm Hữu Hải	Nam	10/02/1998	Vĩnh Long	Kinh	3.45	Giỏi
190	16001046	Cao Quốc Hào	Nam	21/11/1998	Trà Vinh	Kinh	2.62	Khá
191	16001049	Nguyễn Văn Hào	Nam	22/3/1998	Tiền Giang	Kinh	2.63	Khá
192	16001059	Nguyễn Quốc Hùng	Nam	19/6/1998	Vĩnh Long	Kinh	3.26	Giỏi
193	16001063	Phan Tấn Hữu	Nam	16/10/1998	Đồng Tháp	Kinh	2.35	Trung bình
194	16001065	Dương Thanh Huy	Nam	08/01/1998	An Giang	Kinh	2.90	Khá
195	16001066	Trần Hà Huy	Nam	09/12/1998	Đồng Tháp	Kinh	3.02	Khá
196	16001069	Hà Anh Huỳnh	Nam	04/5/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.80	Khá
197	16001072	Bùi Văn Kha	Nam	25/4/1998	Vĩnh Long	Kinh	3.24	Giỏi
198	16001073	Trần Quang Khải	Nam	13/12/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.56	Khá
199	16001075	Phạm Nguyễn Hoàng Khang	Nam	02/02/1997	Vĩnh Long	Kinh	3.56	Giỏi
200	16001078	Phạm Trọng Khang	Nam	20/3/1998	Vĩnh Long	Kinh	3.04	Khá
201	16001079	Nguyễn Đào Duy Khang	Nam	04/6/1998	Hậu Giang	Kinh	2.84	Khá
202	16001083	Lê Quốc Khánh	Nam	02/4/1998	An Giang	Kinh	2.47	Trung bình
203	16001084	Lê Tân Khoa	Nam	17/7/1998	Bạc Liêu	Kinh	3.60	Xuất sắc
204	16001089	Phan Võ Lâm	Nam	10/3/1998	An Giang	Kinh	2.96	Khá
205	16001095	Nguyễn Dương Linh	Nam	28/5/1998	Đồng Tháp	Kinh	2.69	Khá
206	16001096	Lê Quang Lộc	Nam	06/02/1998	Đồng Tháp	Kinh	2.91	Khá
207	16001097	Trần Thành Lộc	Nam	20/01/1997	Đồng Tháp	Kinh	3.08	Khá
208	16001101	Lâm An Lợi	Nam	15/9/1998	An Giang	Kinh	3.58	Giỏi
209	16001109	Nguyễn Xuân Lý	Nam	05/10/1998	Đắk Lắk	Kinh	3.25	Giỏi
210	16001128	Nguyễn Vũ Thành Nhân	Nam	15/6/1998	Bến Tre	Kinh	2.53	Khá
211	16001131	Đoàn Thành Nhơn	Nam	13/04/1998	Kiên Giang	Kinh	2.47	Trung bình
212	16001135	Nguyễn Văn Phát	Nam	02/11/1996	Vĩnh Long	Kinh	2.73	Khá
213	16001142	Hồ Thanh Phúc	Nam	28/10/1998	Vĩnh Long	Kinh	3.28	Giỏi
214	16001148	Võ Trung Quân	Nam	19/5/1998	Đồng Tháp	Kinh	3.64	Xuất sắc

TT	Mã số SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp
215	16001151	Trần Minh Quang	Nam	22/10/1998	Đồng Tháp	Kinh	2.92	Khá
216	16001155	Châu Hoàng Sang	Nam	26/10/1998	Vĩnh Long	Kinh	3.22	Giỏi
217	16001159	Bùi Anh Tài	Nam	20/7/1998	Đồng Tháp	Kinh	3.64	Xuất sắc
218	16001165	Lê Hoàng Tân	Nam	09/6/1998	Đồng Tháp	Kinh	3.05	Khá
219	16001166	Lê Nguyễn Quốc Thái	Nam	19/3/1998	Vĩnh Long	Kinh	3.70	Xuất sắc
220	16001169	Nguyễn Hoàng Duy Thanh	Nam	20/02/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.65	Khá
221	16001176	Võ Huỳnh Gia Thịnh	Nam	20/01/1998	Bến Tre	Kinh	3.59	Giỏi
222	16001177	Nguyễn Hữu Thọ	Nam	16/5/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.38	Trung bình
223	16001179	Phạm Vạn Thông	Nam	22/01/1998	An Giang	Kinh	2.76	Khá
224	16001180	Nguyễn Võ Quốc Thông	Nam	04/01/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.44	Trung bình
225	16001183	Nguyễn Ngọc Thuận	Nam	29/3/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.98	Khá
226	16001184	Huỳnh Lê Minh Thuận	Nam	02/6/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.80	Khá
227	16001189	Lê Bội Tiên	Nữ	28/12/1997	Trà Vinh	Kinh	3.78	Xuất sắc
228	16001190	Danh Hoàng Tính	Nam	30/10/1998	Kiên Giang	Khmer	3.13	Khá
229	16001192	Lê Phước Toàn	Nam	06/4/1998	Trà Vinh	Kinh	2.93	Khá
230	16001193	Lê Bảo Trân	Nữ	19/9/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.71	Khá
231	16001195	Trần Thanh Triều	Nam	14/8/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.87	Khá
232	16001197	Lý Thành Trung	Nam	16/12/1997	Vĩnh Long	Kinh	2.36	Trung bình
233	16001199	Huỳnh Ngọc Trọng Tuấn	Nam	04/4/1998	Đồng Tháp	Kinh	2.88	Khá
234	16001206	Nguyễn Duy Tường	Nam	14/5/1998	Đồng Tháp	Kinh	3.53	Giỏi
235	16001213	Nguyễn Hữu Vinh	Nam	15/5/1998	Đồng Tháp	Kinh	2.63	Khá
236	16001221	Lê Gia Bảo	Nam	14/7/1998	Tiền Giang	Kinh	3.00	Khá
237	16001223	Trần Vũ Hải Đăng	Nam	12/10/1998	Bến Tre	Kinh	2.58	Khá
238	16001230	Thái Việt Trọng Lâm	Nam	16/12/1998	TP.HCM	Kinh	3.17	Khá
239	16001237	Phan Văn Tuấn	Nam	04/7/1998	Đồng Tháp	Kinh	3.05	Khá
240	16001239	Nguyễn Thành Đạt	Nam	30/10/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.82	Khá
241	16001240	Nguyễn Văn Duy	Nam	16/8/1997	Đồng Tháp	Kinh	2.89	Khá
242	17001001	Nguyễn Khả Ái	Nam	21/12/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.84	Khá
243	17001008	Nguyễn Thị Loan Anh	Nữ	19/7/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.06	Khá
244	17001011	Thái Hoài Bảo	Nam	28/11/1999	Trà Vinh	Kinh	3.18	Khá
245	17001016	Trần Gia Bảo	Nam	09/9/1999	Trà Vinh	Kinh	3.03	Khá
246	17001018	Lê Hoài Bảo	Nam	19/8/1999	Cà Mau	Kinh	2.77	Khá
247	17001028	Lê Minh Chiến	Nam	23/3/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.83	Khá
248	17001047	Trần Thanh Dương	Nam	09/6/1999	An Giang	Kinh	2.57	Khá
249	17001050	Lê Anh Duy	Nam	12/9/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.88	Khá
250	17001051	Trần Khánh Duy	Nam	31/12/1999	Đồng Tháp	Kinh	3.24	Giỏi
251	17001071	Trần Phước Hưng	Nam	18/01/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.07	Khá
252	17001078	Mai Chí Khanh	Nam	10/8/1999	Trà Vinh	Kinh	3.28	Giỏi
253	17001084	Huỳnh Đăng Khoa	Nam	28/02/1999	Trà Vinh	Kinh	3.04	Khá
254	17001086	Trần Vĩnh Kiên	Nam	29/7/1999	Cần Thơ	Kinh	2.90	Khá
255	17001087	Cao Lê Anh Kiệt	Nam	25/7/1995	Vĩnh Long	Kinh	2.88	Khá
256	17001101	Ngô Cát Lượng	Nam	11/3/1999	Kiên Giang	Khmer	3.19	Khá
257	17001104	Trần Thế Mạnh	Nam	05/6/1999	Đồng Tháp	Kinh	2.96	Khá
258	17001106	Lê Thành Nhật Minh	Nam	28/3/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.91	Khá
259	17001110	Nguyễn Văn Nam	Nam	27/10/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.01	Khá

TT	Mã số SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp
260	17001113	Lâm Minh Nèo	Nam	11/01/1998	Cần Thơ	Kinh	3.16	Khá
261	17001133	Trương Thị Hồng Nhung	Nữ	30/7/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.58	Giỏi
262	17001140	Trần Gia Phi	Nam	16/7/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.50	Giỏi
263	17001146	Đặng Thị Mỹ Phụng	Nữ	05/8/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.25	Giỏi
264	17001182	Trần Duy Thiện	Nam	26/10/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.27	Giỏi
265	17001183	Phạm Thanh Thịnh	Nam	08/11/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.44	Giỏi
266	17001184	Tăng Phú Thịnh	Nam	10/10/1999	Trà Vinh	Kinh	3.11	Khá
267	17001187	Nguyễn Trần Minh Thư	Nữ	13/02/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.99	Khá
268	17001188	Trần Anh Thư	Nam	20/02/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.87	Khá
269	17001201	Trần Thái Quốc Toàn	Nam	15/10/1999	Cần Thơ	Kinh	2.91	Khá
270	17001212	Mai Nhựt Trường	Nam	26/6/1999	Tiền Giang	Kinh	3.35	Giỏi
271	17001219	Phạm Anh Tuấn	Nam	13/12/1999	Trà Vinh	Kinh	3.58	Giỏi
272	17001223	Huỳnh Thanh Tươi	Nam	01/4/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.90	Khá
273	17001226	Nguyễn Quang Uy	Nam	07/12/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.15	Khá
274	17001228	Nguyễn Vĩ Vinh	Nam	20/01/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.02	Khá
275	17001237	Châu Hoàng Xuân	Nam	22/12/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.24	Giỏi

VIII. Ngành Thú y

276	16010001	Tô Trường An	Nam	16/3/1998	Trà Vinh	Kinh	3.09	Khá
277	16010004	Trần Huệ Anh	Nữ	19/10/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.83	Khá
278	16010008	Huỳnh Kim Chi	Nữ	03/8/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.70	Khá
279	16010012	Nguyễn Tuấn Đạt	Nam	23/11/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.41	Trung bình
280	16010015	Nguyễn Trung Điền	Nam	05/8/1998	Đồng Tháp	Kinh	3.00	Khá
281	16010018	Võ Nhật Duy	Nam	12/5/1998	Bến Tre	Kinh	2.70	Khá
282	16010023	Huỳnh Nguyễn Quốc Gia	Nam	13/11/1998	Đồng Tháp	Kinh	2.90	Khá
283	16010026	Lê Đoàn Ngọc Hân	Nữ	18/7/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.70	Khá
284	16010027	Nguyễn Thị Kiều Hân	Nữ	19/01/1998	Trà Vinh	Kinh	3.12	Khá
285	16010031	Phan Thanh Hiền	Nam	08/8/1998	Đồng Tháp	Kinh	3.07	Khá
286	16010035	Nguyễn Thị Kim Hoa	Nữ	08/8/1998	Vĩnh Long	Kinh	3.07	Khá
287	16010049	Phạm Chí Linh	Nam	14/9/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.68	Khá
288	16010051	Lạc Lê Khánh Linh	Nữ	30/01/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.97	Khá
289	16010057	Quách Hoàng Luận	Nam	25/02/1998	Vĩnh Long	Kinh	3.08	Khá
290	16010060	Trần Minh Mẫn	Nam	12/8/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.95	Khá
291	16010063	Phan Thị Diệu Nga	Nữ	21/02/1998	Sóc Trăng	Kinh	2.92	Khá
292	16010064	Nguyễn Thị Tú Ngân	Nữ	30/8/1998	Vĩnh Long	Kinh	3.16	Khá
293	16010071	Nguyễn Hùng Trung Nghĩa	Nam	28/12/1998	Đồng Tháp	Kinh	3.61	Xuất sắc
294	16010073	Trương Trọng Nhân	Nam	25/7/1998	Bến Tre	Kinh	2.72	Khá
295	16010078	Trần Thị Huệ Nhi	Nữ	12/7/1998	Tiền Giang	Kinh	3.10	Khá
296	16010079	Nguyễn Thị Bé Nhi	Nữ	28/4/1998	Tiền Giang	Kinh	3.79	Xuất sắc
297	16010090	Từ Hoàng Phương	Nam	07/11/1994	Vĩnh Long	Kinh	3.87	Xuất sắc
298	16010097	Nguyễn Bảo Sơn	Nam	14/12/1998	Vĩnh Long	Kinh	3.68	Xuất sắc
299	16010113	Thái Minh Tiến	Nam	06/6/1998	Cần Thơ	Kinh	3.88	Xuất sắc
300	16010114	Văn Khắc Tiệp	Nam	15/11/1998	Kiên Giang	Kinh	3.01	Khá
301	16010117	Nguyễn Cao Trí	Nam	20/12/1997	TP. HCM	Kinh	2.59	Khá
302	16010119	Mai Thị Kiều Trinh	Nữ	11/4/1998	Vĩnh Long	Kinh	3.78	Xuất sắc
303	16010132	Nguyễn Phi Vân	Nữ	17/9/1998	Vĩnh Long	Kinh	3.22	Giỏi

TT	Mã số SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	ĐTBCL	Hạng tốt nghiệp
304	16010136	Bùi Thụy Tường Vi	Nữ	19/10/1998	Hậu Giang	Kinh	3.11	Khá
305	16010139	Hồ Ngọc Lan Vy	Nữ	20/11/1998	Vĩnh Long	Kinh	3.62	Xuất sắc
306	16010143	Nguyễn Lâm Anh	Nữ	25/3/1998	Vĩnh Long	Kinh	3.66	Xuất sắc
307	16010144	Châu Thanh Bình	Nam	15/8/1997	Vĩnh Long	Kinh	2.82	Khá
308	16010150	Nguyễn Thị Kim Huệ	Nữ	26/10/1998	Vĩnh Long	Kinh	3.65	Xuất sắc
309	16010152	Nguyễn Văn Mến	Nam	21/10/1998	Trà Vinh	Kinh	3.68	Xuất sắc
310	16010154	Nguyễn Ái Nhân	Nam	17/9/1998	Vĩnh Long	Kinh	3.55	Giỏi

IX. Ngành Công nghệ thực phẩm

311	15005058	Huỳnh Minh Khiêm	Nam	25/12/1994	Vĩnh Long	Kinh	2.24	Trung bình
312	16005007	Phạm Thái Phúc Anh	Nam	15/11/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.74	Khá
313	16005025	Nguyễn Hoàng Kim Duyên	Nữ	03/9/1997	Vĩnh Long	Kinh	2.50	Khá
314	16005035	Phạm Thuý Hồng	Nữ	21/10/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.62	Khá
315	16005040	Lương Thị Mỹ Huyền	Nữ	30/10/1997	Vĩnh Long	Kinh	2.93	Khá
316	16005069	Lê Hoàng Mỹ Nguyên	Nữ	26/4/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.93	Khá
317	16005133	Cao Minh Tiến	Nam	02/01/1998	Trà Vinh	Kinh	2.41	Trung bình
318	16005148	Nguyễn An Trường	Nam	03/8/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.59	Khá
319	16005158	Nguyễn Hà Văn	Nam	17/3/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.58	Khá
320	16005188	Dương Quốc Thắng	Nam	07/11/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.64	Khá
321	16005193	Nguyễn Minh Triệu	Nam	21/10/1997	Cần Thơ	Kinh	2.22	Trung bình
322	16005198	Nguyễn Thị Kim Xuyên	Nữ	29/5/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.43	Trung bình
323	16005204	Bùi Thị Tuyết Nga	Nữ	10/12/1998	Vĩnh Long	Kinh	3.26	Giỏi
324	17005003	Lê Thị Thúy An	Nữ	29/12/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.14	Khá
325	17005007	Bùi Thị Lan Anh	Nữ	18/8/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.12	Khá
326	17005010	Nguyễn Lan Anh	Nữ	30/9/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.35	Giỏi
327	17005016	Nguyễn Thái Bảo	Nam	06/01/1998	Vĩnh Long	Kinh	3.76	Xuất sắc
328	17005018	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Nữ	22/9/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.77	Khá
329	17005019	Lý Thị Cát	Nữ	15/02/1998	Kiên Giang	Khmer	3.22	Giỏi
330	17005020	Trần Thị Kim Châm	Nữ	02/9/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.93	Khá
331	17005024	Nguyễn Hồng Chương	Nam	07/7/1998	Sóc Trăng	Kinh	3.00	Khá
332	17005025	Phạm Hồng Cúc	Nữ	12/3/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.31	Giỏi
333	17005026	Danh Trần Kim Cương	Nữ	14/9/1999	Kiên Giang	Khmer	2.97	Khá
334	17005029	Nguyễn Thị Xuân Đào	Nữ	24/10/1999	Cần Thơ	Kinh	2.96	Khá
335	17005035	Lê Thị Hồng Diệp	Nữ	30/8/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.37	Giỏi
336	17005036	Võ Nguyễn Ngọc Diệu	Nữ	10/4/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.00	Khá
337	17005042	Trần Thị Phương Dung	Nữ	24/01/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.86	Khá
338	17005044	Lý Thị Thảo Dung	Nữ	06/9/1999	Cần Thơ	Kinh	2.53	Khá
339	17005046	Nguyễn Khánh Duy	Nam	02/02/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.28	Giỏi
340	17005050	Võ Ngọc Lâm Duyên	Nữ	22/10/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.37	Trung bình
341	17005052	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	23/9/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.34	Giỏi
342	17005064	Âu Thanh Hoài	Nữ	06/6/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.71	Khá
343	17005069	Đoàn Võ Diệp Huyền	Nữ	06/02/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.42	Giỏi
344	17005074	Trần Thị Thúy Huỳnh	Nữ	28/01/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.31	Giỏi
345	17005077	Trần Lê Hoàng Khang	Nam	15/12/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.25	Giỏi
346	17005081	Nguyễn Văn Khánh	Nam	07/9/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.84	Khá
347	17005082	Lê Đăng Khoa	Nam	19/9/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.81	Khá

BẢNG
 ĐÁNH GIÁ
 TỐT NGHIỆP

TT	Mã số SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	ĐTBCL	Hạng tốt nghiệp
348	17005085	Trần Thị Lài	Nữ	18/02/1999	Tiền Giang	Kinh	3.39	Giỏi
349	17005090	Trương Thị Thu Lan	Nữ	21/6/1999	Đồng Tháp	Kinh	2.92	Khá
350	17005092	Nguyễn Thị Thúy Liễu	Nữ	28/02/1999	An Giang	Kinh	2.92	Khá
351	17005094	Phạm Thị Yến Linh	Nữ	25/12/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.79	Khá
352	17005096	Trương Gia Linh	Nữ	21/9/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.97	Khá
353	17005101	Phan Thiên Lý	Nữ	24/6/1999	Cần Thơ	Kinh	2.99	Khá
354	17005104	Nguyễn Thị Diễm Mi	Nữ	01/11/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.10	Khá
355	17005112	Nguyễn Thị Thúy Nga	Nữ	09/9/1999	Đồng Tháp	Kinh	2.97	Khá
356	17005123	Nguyễn Thị Như Ngọc	Nữ	07/10/1999	Trà Vinh	Kinh	3.47	Giỏi
357	17005129	Nguyễn Thị Ánh Nguyên	Nữ	28/5/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.94	Khá
358	17005130	Phạm Thị Hồng Nguyên	Nữ	19/9/1999	Đồng Tháp	Kinh	2.58	Khá
359	17005135	Nguyễn Dương Nhi	Nữ	20/01/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.05	Khá
360	17005136	Thạch Thị Huệ Nhi	Nữ	25/12/1999	Vĩnh Long	Khmer	2.73	Khá
361	17005140	Hồ Nguyễn Tú Nhi	Nữ	20/12/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.26	Giỏi
362	17005141	Phan Châu Quyền Nhi	Nữ	15/7/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.73	Khá
363	17005143	Hồ Thị Tuyết Nhi	Nữ	26/7/1999	Cần Thơ	Kinh	2.63	Khá
364	17005146	Nguyễn Thị Huỳnh Như	Nữ	07/7/1999	Đồng Tháp	Kinh	3.03	Khá
365	17005148	Đỗ Thị Phi Nhung	Nữ	30/7/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.80	Khá
366	17005164	Châu Nguyễn Nhật Phương	Nữ	12/10/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.70	Khá
367	17005178	Nguyễn Thành Tân	Nam	02/6/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.62	Khá
368	17005180	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Nữ	15/9/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.56	Khá
369	17005191	Phạm Hoàng Anh Thi	Nữ	26/9/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.97	Khá
370	17005192	Đặng Phương Thi	Nữ	01/6/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.97	Khá
371	17005193	Trịnh Văn Thi	Nam	16/9/1999	Đồng Tháp	Kinh	3.33	Giỏi
372	17005196	Huỳnh Minh Thư	Nữ	10/8/1999	Cần Thơ	Kinh	3.00	Khá
373	17005198	Nguyễn Thị Anh Thư	Nữ	11/9/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.16	Khá
374	17005199	Dương Thị Anh Thư	Nữ	03/9/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.09	Khá
375	17005205	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	Nữ	01/7/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.35	Giỏi
376	17005206	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Nữ	16/10/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.13	Khá
377	17005208	Ngô Thủy Tiên	Nữ	11/4/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.11	Khá
378	17005210	Huỳnh Thị Mỹ Tiên	Nữ	05/9/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.85	Khá
379	17005212	Huỳnh Hữu Tiến	Nam	03/6/1999	Đồng Tháp	Kinh	2.81	Khá
380	17005213	Phạm Hồng Tiệp	Nữ	16/02/1999	Cà Mau	Kinh	3.37	Giỏi
381	17005227	Huỳnh Thị Nhật Trinh	Nữ	16/3/1997	Vĩnh Long	Kinh	2.85	Khá
382	17005237	Lê Ngọc Tuyền	Nữ	29/11/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.03	Khá
383	17005240	Nguyễn Thanh Tuyền	Nữ	09/02/1999	Sóc Trăng	Kinh	3.20	Giỏi
384	17005241	Bùi Ngọc Tuyết	Nữ	26/6/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.20	Giỏi
385	17005244	Lịch Thị Cẩm Vân	Nữ	25/8/1999	Sóc Trăng	Kinh	3.40	Giỏi
386	17005245	Lê Kim Vàng	Nữ	16/7/1999	Sóc Trăng	Kinh	2.90	Khá
387	17005249	Nguyễn Khánh Vy	Nữ	04/5/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.78	Khá
388	17005251	Trần Thị Kim Xuyên	Nữ	03/9/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.88	Khá

X. Ngành Công tác xã hội

389	16011024	Nguyễn Thị Huỳnh Như	Nữ	20/12/1998	Bình Định	Kinh	3.28	Giỏi
390	16011043	Nguyễn Thị Minh Trang	Nữ	09/01/1998	Vĩnh Long	Kinh	3.08	Khá
391	16011062	Trần Văn Thái	Nam	22/5/1998	Vĩnh Long	Kinh	3.11	Khá

TT	Mã số SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp
392	16011065	Nguyễn Cao Kỳ	Nam	30/5/1997	Vĩnh Long	Kinh	2.44	Trung bình
393	17011004	Trương Hoàng Bửu	Nam	16/10/1997	Trà Vinh	Kinh	3.35	Giỏi
394	17011012	Thái Cẩm Giang	Nữ	04/6/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.87	Khá
395	17011031	Nguyễn Bảo Ngọc	Nam	05/5/1999	Bến Tre	Kinh	2.82	Khá
396	17011039	Ngô Quan Thanh Thảo	Nữ	20/02/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.42	Giỏi
397	17011042	Nguyễn Minh Thư	Nữ	20/10/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.46	Giỏi

XI. Ngành Công nghệ sinh học

398	17014002	Phạm Ngọc Khánh Băng	Nữ	25/6/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.39	Giỏi
399	17014003	Dương Thị Tú Bình	Nữ	12/02/1999	Bạc Liêu	Kinh	2.86	Khá
400	17014004	Nguyễn Mộng Cẩm	Nữ	16/11/1999	Kiên Giang	Kinh	3.60	Xuất sắc
401	17014007	Đặng Thanh Doanh	Nữ	05/02/1999	Cần Thơ	Kinh	2.89	Khá
402	17014008	Nguyễn Khả Hân	Nữ	19/8/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.41	Giỏi
403	17014009	Nguyễn Trí Hào	Nam	03/12/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.79	Khá
404	17014010	Thị Hoa	Nữ	08/01/1999	Kiên Giang	Khmer	3.36	Giỏi
405	17014011	Nguyễn Duy Khoa	Nam	28/9/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.68	Khá
406	17014014	Lê Thị Cẩm Linh	Nữ	16/01/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.31	Giỏi
407	17014016	Nguyễn Ngọc Minh Mẫn	Nữ	02/10/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.97	Khá
408	17014018	Hồ Thúy Ngọc	Nữ	04/12/1999	Trà Vinh	Kinh	3.00	Khá
409	17014020	Tạ Phước Nhân	Nam	26/7/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.58	Khá
410	17014021	Bùi Thu Nhân	Nữ	02/5/1999	Bạc Liêu	Kinh	3.02	Khá
411	17014022	Phạm Thị Tuyết Nhi	Nữ	26/6/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.50	Giỏi
412	17014028	Huỳnh Trung Phương	Nam	17/5/1998	Vĩnh Long	Kinh	2.54	Khá
413	17014030	Hồ Bạch Phương Quỳnh	Nữ	23/7/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.21	Giỏi
414	17014032	Nguyễn Lê Nhi Tâm	Nữ	12/3/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.85	Khá
415	17014033	Hồng Quốc Thái	Nam	21/01/1999	Vĩnh Long	Hoa	3.32	Giỏi
416	17014034	Văn Nguyễn Thanh Thanh	Nữ	11/5/1999	Vĩnh Long	Kinh	2.66	Khá
417	17014037	Võ Minh Tiền	Nam	13/02/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.69	Xuất sắc
418	17014038	Đặng Thị Ngọc Trân	Nữ	19/9/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.63	Xuất sắc
419	17014042	Nguyễn Thúy Vi	Nữ	27/12/1999	Tiền Giang	Kinh	3.15	Khá
420	17014043	Nguyễn Tuấn Đạt	Nam	17/5/1999	Đồng Tháp	Kinh	3.25	Giỏi

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Cao Hùng Phi